

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 20- 6 -2019

V/v “ Tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam và bà Ngô Thị Mai

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157 /2019/HNGĐ - ST ngày 7 tháng 5 năm 2019 về việc “ Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐST- HNGĐ ngày 3 tháng 6 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C , sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày giữa chị và bị đơn là anh Phạm Văn C tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2012, chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống với nhau anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến

ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh Phạm Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Phạm Văn N, sinh ngày 02/03/2013, hiện nay cháu đang ở cùng với chị T, nguyện vọng của chị T là xin được nuôi con, không yêu cầu anh C phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Nghề nghiệp của chị T là buôn bán hàng tạp hóa tại nhà, thu nhập bình quân hằng tháng là 8.000.000đ, chị xét thấy đủ khả năng về kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng con tốt hơn anh C. Vì hiện nay anh C đang là người được hưởng chế độ 68 của Nhà nước, chế độ cho người tàn tật, anh C cũng bị bệnh co giật, thu nhập không ổn định.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Phạm Văn C trình bày anh và chị Tình chung sống với nhau như vợ chồng như chị T trình bày là hoàn toàn đúng, quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không thể hòa hợp, anh C và chị T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh C cũng đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh C trình bày vợ, chồng anh chị có một con chung như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T, nguyện vọng của anh cũng xin được nuôi con. Nghề nghiệp của anh là lao động tự do, thu nhập bình quân cũng từ 7.000.000đ đến 7.500.000đ một tháng, mặc dù bản thân anh đang được hưởng chế độ tàn tật, nhưng anh xét thấy vẫn đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc con chung, không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và phần nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81; 82;83 luật hôn nhân gia đình, xử không công nhận quan hệ giữa chị Lương Thị T và Phạm Văn C là vợ chồng. Về con chung giao cháu Phạm Văn N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Về tài sản anh ,chị không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].*Về hôn nhân:* Chị Lương Thị T và anh Phạm Văn C cưới nhau theo phong tục tập quán của địa phương, chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

Quá trình chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, anh, chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh, chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị T và anh C là vợ chồng.

Xét mối quan hệ thì thấy, chị T và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 là thực tế, hiện nay mâu thuẫn giữa anh, chị ngày càng trầm trọng. Vì vậy xét yêu cầu của anh, chị là phù hợp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận quan hệ giữa chị Lương Thị T và anh Phạm Văn C là vợ chồng..

[2]. *Về con chung*: Anh, chị có một con chung với nhau. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, chị T, anh C đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị T và anh C đều chính đáng, anh, chị đều tha thiết xin được nuôi con, cháu N đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc chu đáo cả về vật chất lẫn tinh thần. Ngày 16/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, xác định nguyên nhân tranh chấp là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N, nhằm ổn định về tâm lý, nên căn cứ vào Điều 15, khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Phạm Gia N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡn, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[3]. *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Lương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị T, xử không công nhận quan hệ giữa chị Lương Thị T và anh Phạm Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Văn N, sinh ngày 02/03/2013 cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chị T không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của con, thì anh C có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2017/0003518 ngày 6 tháng 5 năm 2019 nay trừ vào án phí ly hôn, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị T, anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Đồng Lợi
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

